

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130/2017/DS-ST**
Ngày 22-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T. Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2017/QĐST-DS ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV; địa chỉ: Tầng 1-7, Tòa nhà Thủ Đô, số 72, đường Trần Hưng Đạo, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Như Q, sinh năm 1987; cư trú tại: Số nhà 82/1, Khu phố Tây A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 214/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 14 tháng 2 năm 2017). (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1963; cư trú tại: Số nhà 62/9, Tổ 9, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 16/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Phạm Như Q trình bày:

Ngày 14/7/2014, ông Võ Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20140721-500000-0117 với Ngân hàng TMCP Việt Nam TV để vay số tiền 24.150.000 đồng (Trong đó 23.000.000 đồng là khoản tiền vay; 1.150.000 đồng là phí bảo hiểm), với lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 37.606.000 đồng (Gồm cả gốc và lãi) và được trả chậm trong 24 tháng. Theo đó, 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.544.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.094.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2014. Vào ngày 23/7/2014, Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền vay cho ông T thông qua tài khoản của ông T, số tài khoản 66369323 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam TV – Chi nhánh Bình Dương. Chủ tài khoản là ông T và giao cho ông T 01 bì thư bao gồm: Thẻ, Pin và hướng dẫn sử dụng thẻ (Thẻ sẽ có hiệu lực ngay sau khi hồ sơ vay vốn của ông T được VPBank chấp nhận). Căn cứ vào khoản 2 Mục IV Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng có toàn quyền giải ngân ngay số tiền vay mà không cần ông T phải ký xác nhận yêu cầu giải ngân. Ngày 25/7/2014, ông T đã rút khoản tiền vay đã được Ngân hàng giải ngân tại tài khoản trên để tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 06 kì với tổng số tiền 9.264.000 đồng. Kể từ ngày 05/5/2015, ông T không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Việt Nam TV yêu cầu ông T phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 28.342.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 20.232.508 đồng và số tiền nợ lãi là 8.109.492 đồng).

Bị đơn ông Võ Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án nhân dân thành phố T để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt không có lý do.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những

người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Ngày 16/02/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam TV có đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tới hạn theo hợp đồng tín dụng số 20140721-500000-0117 đã ký giữa Ngân hàng và ông T ngày 14/7/2014 là 28.342.000 đồng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam.

1.2. Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Võ Văn T đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

1.3. Về thời hiệu: Theo đơn khởi kiện, ông T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vào ngày 14/7/2014, đến ngày 16/02/2017 Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng nên còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Phạm Như Q có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với đại diện nguyên đơn là chị Phạm Như Q và bị đơn ông Võ Văn T.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Đối với số tiền nợ gốc còn lại là 20.232.508 đồng: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 14/7/2014, ông Võ Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20140721-500000-0117 với Ngân hàng TMCP Việt Nam TV để vay số tiền 24.150.000 đồng (Trong đó 23.000.000 đồng là khoản tiền vay; 1.150.000 đồng là phí bảo hiểm), với lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 37.606.000 đồng (Gồm cả gốc và lãi) và được trả chậm trong 24 tháng. Theo đó, 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.544.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.094.000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2014. Vào ngày 23/7/2014, Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền vay cho ông T thông qua tài khoản của ông T, số tài khoản 66369323 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam TV - Chi nhánh Bình Dương. Chủ tài

khoản là ông T và giao cho ông T 01 bì thư bao gồm: Thẻ, Pin và hướng dẫn sử dụng thẻ (Thẻ sẽ có hiệu lực ngay sau khi hồ sơ vay vốn của ông T được VPBank chấp nhận). Căn cứ vào khoản 2 Mục IV Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng có toàn quyền giải ngân ngay số tiền vay mà không cần ông T phải ký xác nhận yêu cầu giải ngân. Ngày 25/7/2014, ông T đã rút khoản tiền vay đã được ngân hàng giải ngân tại tài khoản trên để tiêu dùng cá nhân. Như vậy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa các bên là tự nguyện, các nội dung trong hợp đồng đúng quy định tại Điều 91, Điều 94, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên. Thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 06 kì với tổng số tiền 9.264.000 đồng. Kể từ ngày 05/5/2015, ông T không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền phải trả là 20.232.508 đồng là phù hợp với Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

2.2. *Đối với yêu cầu về tiền lãi:* Khi ký hợp đồng tín dụng ngày 14/7/2014, giữa ông T và Ngân hàng VPBank thỏa thuận về mức lãi suất vay là 3.75%/tháng (tương đương 45%/năm). Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và ngân hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, xét thấy việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay giữa Ngân hàng VP Bank và ông T là phù hợp điều luật trên. Tại Khoản 1 Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 15/3/2017), quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp quy định tại Thông tư này*”. Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng ngày 14/7/2014 giữa Ngân hàng và ông T được thực hiện theo Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang có hiệu lực đã quy định về mức lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng vay nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Ngân hàng Nhà nước quy định. Tại thời điểm năm 2014 - 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ quy định mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh là 7%/năm không quy định mức lãi suất cho vay trung hạn tối đa đối với khách hàng vay với mục đích tiêu dùng cá nhân (Thông tư 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014). Tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 đã dẫn chiếu về mức lãi suất thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng vay không thuộc đối tượng quy định tại thông tư này được thực hiện theo Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó việc thỏa thuận về mức lãi suất cho vay 3.75%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, trả vốn và lãi theo định kỳ hàng tháng giữa Ngân hàng và ông T thuộc

trường hợp vay trung hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân, không thế chấp tài sản, có thỏa thuận về lãi suất vay là hoàn toàn phù hợp các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán nợ lãi vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 3.75%/tháng với số tiền 8.109.492 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tại tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T phải nộp toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 28.342.000 đồng, với số tiền án phí là: 28.342.000 đồng x 5% = 1.471.100 đồng; Ngân hàng không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điểm b Khoản 2 Điều 217 và các điều 227, 228, 233, 235, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Khoản 1 Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV đối với bị đơn ông Võ Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc ông Võ Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền là: 28.342.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng), trong đó, nợ gốc là 20.232.508 đồng (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi hai ngàn năm trăm lẻ tám đồng), nợ lãi là 8.109.492 đồng (Tám triệu một trăm lẻ chín ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng).

1.2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Văn T phải nộp 1.471.100 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn một trăm đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp 708.500 đồng (Bảy trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000663 ngày 04/4/2017.

3. *“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố TDM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng